

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TRUNG TUYẾT
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TRUNG TUYẾT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TRUNG TUYET INVESTMENT TRADING AND SERVICES COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0109593340

3. Ngày thành lập: 13/04/2021

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Đội 5, thôn Thượng, Xã Phùng Xá, Huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0396188256

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa	4610(Chính)
2.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
3.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
4.	Bán buôn thực phẩm	4632
5.	Bán buôn đồ uống	4633
6.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
7.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
8.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
9.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
10.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
11.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
12.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
13.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
14.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
15.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
16.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
17.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
18.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
19.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751

20.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
21.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
22.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
23.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
24.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
25.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
26.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
27.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
28.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
29.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
30.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
31.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
32.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
33.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
34.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
35.	Xây dựng nhà để ở	4101
36.	Xây dựng nhà không để ở	4102
37.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
38.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
39.	Xây dựng công trình điện	4221
40.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
41.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
42.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
43.	Xây dựng công trình thủy	4291
44.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
45.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
46.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
47.	Phá dỡ	4311
48.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
49.	Lắp đặt hệ thống điện	4321

50.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
51.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
52.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
53.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
54.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
55.	Chế biến, bảo quản thuỷ sản và các sản phẩm từ thuỷ sản	1020
56.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
57.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
58.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
59.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
60.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
61.	Sản xuất đường	1072
62.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
63.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
64.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
65.	Sản xuất chè	1076
66.	Sản xuất cà phê	1077
67.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
68.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thuỷ sản	1080
69.	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh	1101
70.	Sản xuất rượu vang	1102
71.	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia	1103
72.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
73.	Sản xuất sợi	1311
74.	Sản xuất vải dệt thoi	1312
75.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
76.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1391
77.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
78.	Sản xuất thảm, chăn, đệm	1393
79.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	1394
80.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu	1399
81.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
82.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
83.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
84.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
85.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
86.	Sửa chữa thiết bị điện	3314

87.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
88.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
89.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
90.	Dịch vụ đóng gói	8292
91.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
92.	Khai thác quặng sắt	0710
93.	Khai thác quặng uranium và quặng thorium	0721
94.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	0722
95.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
96.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Bán buôn quặng kim loại; Bán buôn sắt, thép	4662

6. Vốn điều lệ: 3.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	NGUYỄN TIẾN TRUNG	Đội 5, thôn Thượng, Xã Phùng Xá, Huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	1.500.000.000	50,000	001086008236	
2	BÙI THỊ TUYẾT	Đội 5, thôn Thượng, Xã Phùng Xá, Huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	1.500.000.000	50,000	034188001407	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN TIẾN TRUNG

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *11/08/1986*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *001086008236*

Ngày cấp: *16/09/2015*

Nơi cấp: *Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Đội 5, thôn Thượng, Xã Phùùng Xá, Huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Đội 5, thôn Thượng, Xã Phùùng Xá, Huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội